

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 10-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Bình**

2. Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* 1/ Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1963. (Có mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N B, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T cùng trình bày: Vào ngày 23/10/2017 anh Nguyễn Thành L có làm biên nhận vay của vợ chồng ông số tiền 12.000.000đ nhưng thực nhận chỉ 10.000.000đ, sau 03 ngày anh L có hỏi vay thêm số tiền 5.000.000đ, tổng cộng 02 lần bằng 15.000.000đ, hẹn 30 ngày sau trả vốn 15.000.000đ và lãi 750.000đ, đến hẹn phía anh L không thực hiện trả vốn, lãi theo thỏa thuận, vợ chồng ông đến đòi nhiều lần

nhưng anh L vẫn không trả nên vợ chồng ông có yêu cầu áp hòa giải ngày 06/02/2018 thì phía anh L đồng ý trả vốn 15.000.000đ và lãi 1.000.000đ, có viết cam kết trả 02 lần, mỗi lần trả 8.000.000đ, có tổ trưởng ký xác nhận nhưng đến nay anh L không thực hiện. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 16.000.000đ theo tờ cam kết ngày 06/02/2018.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông M và bà B T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn, lãi còn nợ 16.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Nguyễn Thành L cư trú tại ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thành L được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng vào ngày 23/10/2017 anh L có làm biên nhận vay của nguyên đơn số tiền 12.000.000đ nhưng thực nhận chỉ 10.000.000đ, sau 03 ngày anh L có hỏi vay thêm số tiền 5.000.000đ, tổng cộng 02 lần bằng 15.000.000đ, hạn 30 ngày sau trả vốn 15.000.000đ và lãi 750.000đ, đến hạn phía anh L không thực hiện trả vốn, lãi theo thỏa thuận, nguyên đơn đến đòi nhiều lần nhưng anh L vẫn không trả nên nguyên đơn có yêu cầu áp T hòa giải ngày 06/02/2018 thì phía anh L đồng ý trả vốn 15.000.000đ và lãi 1.000.000đ, có viết cam kết trả 02 lần, mỗi lần trả 8.000.000đ, có tổ trưởng ký xác nhận. Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không trả lời bằng văn bản cho Tòa án biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, phía nguyên đơn có xuất trình biên nhận và tờ cam kết có sự đồng ý ký tên của anh L nên xem hợp đồng vay tài sản giữa ông M, bà B T và anh L là sự việc có thật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay anh L còn thiếu tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng anh L không trả, anh L cũng có làm cam kết có sự chứng kiến của Ban nhân dân ấp T, xã Th nhưng đến nay anh L vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ trả

số tiền vốn còn nợ 15.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với lãi suất theo tờ cam kết ngày 06/02/2018 anh L đồng ý trả lãi cho nguyên đơn số tiền 1.000.000đ là cao hơn so với quy định của pháp luật nhưng tính đến thời điểm xét xử nếu điều chỉnh lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi cao hơn 1.000.000đ mà anh L cam kết trả lãi cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu trả vốn 15.000.000đ và lãi 1.000.000đ theo cam kết là có lợi cho phía bị đơn và có căn cứ phù với các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể anh L phải nộp $16.000.000đ \times 5\% = 800.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thành L có nghĩa vụ trả nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Thành L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Thành L có nghĩa vụ nộp 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000đ (*Bốn trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0014573 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lâm Văn Năm